

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/LĐ-ST.
Ngày: 23/9/2025
V/v tranh chấp về bảo hiểm
xã hội và tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hiếu

Bà Hồ Bích Ngọc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký
Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Bà Vũ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 đã xét xử công
khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 42/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về
“Tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
35/2025/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số
28/2025/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Minh N, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: Khu V, phường T;
thành phố Cần Thơ; địa chỉ liên hệ: 154c/47 Ấ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin
vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Một phần T (Lầu A), Tòa nhà Indochina Park
T, Số D N, phường T (phường Đ, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T1, chức danh: Giám Đốc; là
người đại diện theo pháp luật; địa chỉ thường trú: 5 Hồ N, phường B (Phường A, quận T
cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: C M, phường T (phường Đ, Quận A cũ),
Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại đơn
đề nghị xét xử vắng mặt, Nguyên đơn – bà Lê Minh N trình bày:

Ngày 18/12/2023, bà Lê Minh N (Nguyên đơn) và Công ty TNHH Đ (Bị đơn) ký
kết Hợp đồng lao động số 05/2023/HĐLĐ-SGC với thời hạn 12 tháng (từ ngày
01/01/2024 đến 31/12/2024). Theo đó, Nguyên đơn đảm nhiệm vị trí Chuyên viên Phòng

tư vấn du học và làm việc tại số D N và số D N, phường Đ, Quận A (cũ), Tp . (hoặc theo sự điều động, phân công của Bị đơn). Tại hợp đồng các bên thống nhất tiền lương và hỗ trợ Nguyên đơn được hưởng hằng tháng là 13.000.000 đồng/tháng, cụ thể:

- + L chính thức (đóng BHXH) : 5.000.000 đồng/tháng;
- + Hỗ trợ trách nhiệm công việc: 3.000.000 đồng/tháng;
- + Hỗ trợ tiền xăng đi làm: 1.000.000 đồng/tháng;
- + Hỗ trợ tiền ăn giữa ca: 2.000.000 đồng/tháng;
- + Hỗ trợ tiền điện thoại công việc: 1.000.000 đồng/tháng;
- + Hỗ trợ tiền nhà ở: 1.000.000 đồng/tháng;
- + Ngày trả lương: từ ngày 05 tây đến ngày 10 tây hàng tháng.

Quá trình làm việc, Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định, không có vi phạm gì đối với Bị đơn. Tuy nhiên, Bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán tiền lương nên Nguyên đơn đã nộp Đơn xin nghỉ việc đề ngày 18/9/2024 theo đó Nguyên đơn đề nghị được nghỉ việc từ ngày 28/9/2024, đơn xin nghỉ việc đã được ông Huỳnh Văn T1 là đại diện theo pháp luật của Bị đơn ký xác nhận.

Ngày 15/10/2024, tại trụ sở của Bị đơn, Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn T1 đã tổ chức họp thông báo thời gian thanh toán tiền lương còn thiếu cho Nguyên đơn. Theo Biên bản cuộc họp, Bị đơn phải thanh toán tiền lương, tiền tạm ứng cá nhân cho Nguyên đơn vào các ngày 21/10/2024; 30/10/2024; 20/11/2024; 05/12/2024 và 30/12/2024, tương đương $\frac{1}{2}$ lương tháng 7/2024, nguyên lương tháng 8 và tháng 9/2024. Tuy nhiên, sau đó, Bị đơn chỉ thanh toán cho Nguyên đơn một phần tiền lương tháng 7, đối với các khoản tiền còn lại, đến nay, Bị đơn vẫn chưa thanh toán theo cam kết. Chi tiết dư nợ từng tháng Nguyên đơn không nhớ rõ do thời gian đã lâu.

Nguyên đơn bắt đầu làm việc thực tế cho Bị đơn từ ngày 01/01/2024 và thuộc đối tượng được tham gia BHXH bắt buộc. Tuy nhiên, đến nay, Nguyên đơn vẫn chưa được đăng ký tham gia BHXH theo đúng quy định.

Do đó, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Bị đơn thực hiện đóng và chốt sổ BHXH cho Nguyên đơn tính từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024 với mức lương đóng BHXH theo hợp đồng là 5.000.000 đồng/tháng.

- Buộc Bị đơn thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 0899481837 mở tại Ngân hàng TMCP Q (M) của Nguyên đơn – Lê Minh N tiền lương chưa thanh toán theo Hợp đồng lao động, cụ thể $\frac{1}{2}$ tiền lương của tháng 7/2024, lương tháng 8/2024, lương tháng 9/2024, tổng số tiền là 23.537.000 đồng; và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền lương theo mức lãi suất 3,6%/năm, tạm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 08/4/2025 số tiền 441.077 đồng.

- Buộc Bị đơn thanh toán các khoản tiền Nguyên đơn đã tạm ứng cá nhân thay cho Bị đơn trong quá trình làm việc số tiền là 18.827.900 đồng; và tiền lãi phát sinh do chậm trả theo mức lãi suất 3,6%/năm tạm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 08/4/2025 số tiền là 352.830 đồng.

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tạm tính đến ngày 08/4/2025 là 43.158.807 đồng.

Ngày 23/9/2025, Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền lương theo mức lãi

suất 3,6%/năm; buộc Bị đơn thanh toán các khoản tiền Nguyên đơn đã tạm ứng cá nhân thay cho Bị đơn trong quá trình làm việc số tiền là 18.827.900 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả theo mức lãi suất 3,6%/năm tạm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 08/4/2025 số tiền là 352.830 đồng. Nguyên đơn xác định giữ yêu cầu: Buộc Bị đơn thực hiện đóng và chốt sổ BHXH cho Nguyên đơn tính từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024 với mức lương đóng BHXH theo hợp đồng là 5.000.000 đồng/tháng. Buộc Bị đơn thanh toán tiền lương còn nợ là 23.537.000 đồng. Về phương thức thanh toán: Yêu cầu thanh toán theo quy định của pháp luật khi thi hành án.

** Ông Huỳnh Văn T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ có gửi Bản khai ngày 27/5/2025 trình bày: Bị đơn cho rằng yêu cầu của Nguyên đơn là không có cơ sở, thiếu dẫn chứng. Tuy nhiên, Bị đơn vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Tp . phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về tiền lương và bảo hiểm xã hội; đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền lương với Bị đơn là Công ty TNHH Đ; các bên đã tiến hành thủ tục hòa giải tại Phòng L1 vào ngày 19/2/2025 nhưng không thành. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp về bảo hiểm xã hội và tiền lương đối với Bị đơn có trụ sở tại phường Đ, Quận A, nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu trả lãi chậm thanh toán và yêu cầu trả tạm ứng cá nhân với số tiền là 18.827.900 đồng là tự nguyện

nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết Hợp đồng lao động số 05/2023/HDLĐ-SGC ngày 18/12/2023 với thời hạn 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, với mức tiền lương và hỗ trợ là 13.000.000 đồng/tháng, cụ thể: Lương chính thức: 5.000.000 đồng/tháng; Hỗ trợ trách nhiệm công việc: 3.000.000 đồng/tháng; Hỗ trợ tiền xăng đi làm: 1.000.000 đồng/tháng; Hỗ trợ tiền ăn giữa ca: 2.000.000 đồng/tháng; Hỗ trợ tiền điện thoại công việc: 1.000.000 đồng/tháng; Hỗ trợ tiền nhà ở: 1.000.000 đồng/tháng; Ngày trả lương: từ ngày 05 tây đến ngày 10 tây hàng tháng.

[5] Thực hiện hợp đồng, Nguyên đơn bắt đầu làm việc cho Bị đơn từ ngày 01/01/2024 và nghỉ việc từ ngày 28/9/2024 với lý do Bị đơn chậm trả lương từ tháng 7/2024. Do có tranh chấp nên Nguyên đơn đã yêu cầu Văn Phòng T2 lập Vi bằng số 306/2024/VB-TPLVN ngày 11/10/2024 và số 318/2024/VB-TPLVN ngày 19/10/2024 tại trụ sở Bị đơn ghi nhận Biên bản cuộc họp thể hiện Nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 7, 8 và 9 năm 2024; các bên không thống nhất thời gian thanh toán; Bị đơn cam kết thanh toán 5.000.000 đồng thuộc lương tháng 7 trong ngày 19/10/2024.

[6] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn trả tiền lương chưa thanh toán theo Hợp đồng lao động, cụ thể $\frac{1}{2}$ tiền lương của tháng 7/2024, lương tháng 8/2024, lương tháng 9/2024, tổng số tiền là 23.537.000 đồng.

[6.1] Xét Bị đơn có văn bản về việc phản bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ không rõ lý do; không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, lời khai và các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

[6.2] Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2019 quy định “*Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*”. Xét nguyên đơn thỏa thuận với mức lương, phụ cấp và các khoản bổ sung là 13.000.000 đồng theo hợp đồng nêu tại mục [4]. Xét quan hệ lao động của Nguyên đơn và Bị đơn được xác lập hợp pháp nên Bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lương cho Nguyên đơn trong những ngày Nguyên đơn làm việc. Nguyên đơn nghỉ việc ngày 28/9/2024 và xác định Bị đơn chưa thanh toán $\frac{1}{2}$ tiền lương tháng 7, tháng 8 và tháng 9 năm 2024. Bị đơn không chứng minh được đã tiền lương cho Nguyên đơn trong thời gian vừa nêu. Như vậy, Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn 2,5 tháng tiền lương cụ thể $\frac{1}{2}$ tiền lương của tháng 7/2024, lương tháng 8/2024, lương tháng 9/2024 với số tiền 32.500.000 đồng (2,5 tháng x 13.000.000 đồng/tháng). Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền lương còn nợ là 23.537.000 đồng là thấp hơn cách tính của Hội đồng xét xử, có lợi hơn cho phía Bị đơn nên được chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu Bị đơn thực hiện đóng và chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho Nguyên đơn tính từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024 với mức lương đóng BHXH là 5.000.000 đồng/tháng. Xét Nguyên đơn làm việc theo Hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng nên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bị đơn có trách nhiệm lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội cho Nguyên đơn từ tháng 01 đến tháng 9 năm 2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 2, Điều 21 và Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội 2014. Theo Văn bản Số 22/BHXX ngày 04/6/2024 của Bảo Hiểm xã hội Q1 (cũ) thì Bị đơn không tham gia bảo hiểm xã hội cho Nguyên đơn, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn về việc tham gia bảo hiểm xã hội. Xét

mức lương mà Nguyên đơn yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội là 5.000.000 đồng/tháng, thấp hơn mức lương được xác định tại mục [6.2] là có lợi hơn cho Bị đơn nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn đóng và chốt sổ BHXH cho Nguyên đơn trong thời gian đã làm việc từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024 với mức lương 5.000.000 đồng/tháng.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về yêu cầu trả tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội.

[9] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm tính có giá ngạch trên số tiền Nguyên đơn được chấp nhận và án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu về bảo hiểm xã hội.

[10] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244 và các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 90, 96, 97 của Bộ luật Lao động năm 2019 Điều 2, Điều 21, Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh N:

1.1 Buộc Công ty TNHH Đ thanh toán cho bà Lê Minh N số tiền còn nợ theo Hợp đồng lao động số 05/2023/HĐLĐ-SGC ngày 18/12/2023 là 23.537.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2 Buộc Công ty TNHH Đ thực hiện đóng và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Lê Minh N từ tháng 01/2024 đến 9/2024 với mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 5.000.000 đồng/tháng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh N về việc buộc Công ty TNHH Đ: Thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền lương theo mức lãi suất 3,6%/năm; Thanh toán các khoản tiền mà bà Lê Minh N đã tạm ứng cá nhân trong quá trình làm việc số tiền là 18.827.900 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả theo mức lãi suất 3,6%/năm tạm tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày 08/4/2025 số tiền là 352.830 đồng.

Bà Lê Minh N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại các yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH Đ phải chịu án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch là 706.110 đồng và không có giá ngạch là 300.000 đồng, tổng cộng là 1.006.110 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV1-TP.HCM;
- Phòng THADS KV1-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Đông